TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23/4/2021
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa; Ông Phạm Trường Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 748/2020/TLST - HNGĐ ngày 13/10/2020, về việc:*" Ly hôn, tranh chấp về con nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXX-ST ngày 10/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/ QĐST – TA ngày 30/3/2021 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 00, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

+ *Bị đơn:* Ông Đinh Khắc T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 00, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày như sau:

Bà Th và ông Đinh Khắc T chung sống với nhau từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới, có Đăng ký kết hôn tại UBND xã C thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 13/02/2004. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống nên thường xuyên cãi nhau. Ông T thường xuyên rượu chè bê tha rồi về nhà gây ồn ào trong gia đình, ảnh hưởng đến tinh thần và cuộc sống của bà Th và các con. Đến đầu năm 2020 thì vợ chồng ly thân nhau đến nay không còn quan tâm nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vợ chồng đã ly thân nhau thời gian khá dài không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Vì vậy, bà Th nộp đơn đến Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đinh Khắc T.

- Về con chung: Theo bà Th thì trong quá trình sống chung bà và ông T có 02 người con chung là: Cháu Đinh Nguyễn Thảo Nhi, sinh ngày 17/4/2004; Cháu Đinh Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 09/10/2008. Nguyện vọng của bà Th là xin nuôi cháu Đinh Nguyễn Thùy Tr cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Đối với cháu Đinh Nguyễn Thảo Nhi, sinh ngày 17/4/2004, cháu có nguyện vọng ở với bố là ông Đinh Khắc T nên bà Th đồng ý giao cháu Nhi cho ông T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Nhi. Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Đinh Khắc T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy Nhiên, ông T không đến Tòa án để lập bản tự khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải nên không có lời khai của ông Đinh Khắc T.

Tại bản tự khai ngày 24/02/2021 cháu Đinh Nguyễn Thảo Nhi, sinh ngày 17/4/2004 xin được sống với bố. Tại bản tự khai ngày 25/10/2020, cháu Đinh Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 09/10/2008 xin được sống với mẹ.

Kết quả xác minh ngày 29/12/2020 tại chính quyền địa phương xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột thể hiện: Ông Đinh Khắc T và bà Nguyễn Thị Th có Đăng ký kết hôn tại xã Cư Êbur, thành phố Buôn Ma Thuột. Quá trình chung sống tại địa phương do bất đồng quan điểm sống nên bà Th ông T thường xuyên cải nhau, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng không thể hòa giải được. Do vậy, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn ông Đinh Khắc T. Về con chung: Bà Th có nguyện vọng xin nuôi cháu Đinh Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 09/10/2008 cho đến khi cháu trưởng thành. Đối với cháu Đinh Nguyễn Thảo Nhi, sinh ngày 17/4/2004 cháu có nguyện vọng ở với bố nên đề nghị Tòa án giao cháu Nhi cho ông Đinh Khắc T nuôi dưỡng

theo nguyện vọng của cháu Nhi. Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đinh Khắc T vắng mặt tại phiên tòa không có do.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đinh Khắc T không đến Tòa án để lập bản tự khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đinh Khắc T.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; Điều 72; Điều 203; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53 Điều 56, Điều 81, 82, 83và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Th ly hôn ông Đinh Khắc T.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Nguyễn Thảo Nhi, sinh ngày 17/4/2004 cho ông Đinh Khắc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nhi đủ tuổi thành niên. Giao cháu Đinh Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 09/10/2008 bà Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cho đến khi cháu Tr đủ tuổi thành niên. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2020 của bà Nguyễn Thị Th, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Nguyễn Thị Th khởi kiện bị đơn ông Đinh Khắc T cư trú tại xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa lần thứ nhất ông Đinh Khắc T vắng mặt HĐXX đã hoãn phiên tòa và tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo tham gia phiên tòa cho ông Đinh Khắc T. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Đinh Khắc T tiếp tục vắng mặt là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tạ Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, HĐXX áp

dụng Điều 227 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đinh Khắc T.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Đinh Khắc T chung sống với nhau từ năm 2004, trên cơ sở tình yêu tự nguyện có Đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 13/02/2004. Như vậy, hôn nhân của bà Th và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi cưới bà Th và ông T chỉ sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Th và ông T không cùng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải nhau. Từ những mẫu thuẫn nhỏ ban đầu nhưng hai bên không tự dàn xếp được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến đầu năm 2020 thì bà Th và ông T sống ly thân nhau đến nay. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa bà Th và ông T không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân gia đình cho bà Th ly hôn ông Đinh Khắc T là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Th và ông Đinh Khắc T có 02 người con chung là: Cháu Đinh Nguyễn Thảo Nhi, sinh ngày 17/4/2004; cháu Đinh Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 09/10/2008.

Quá trình giải quyết vụ án bà Th có nguyện vọng xin nuôi cháu Đinh Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 09/10/2008 cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên. Cháu Tr cũng có nguyện vọng xin được sống với mẹ. Đối với cháu Đinh Nguyễn Thảo Nhi, sinh ngày 17/4/2004, cháu có nguyện vọng ở với bố là ông Đinh Khắc T. HĐXX xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn cần xem xét mọi mặt. Quá trình giải quyết vụ án cháu Tr có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Nhi có nguyện vọng sống với mẹ. Do vậy, HĐXX căn cứ các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao cháo Đinh Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 09/10/2008 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Tr đủ tuổi thành niên, giao cháu Đinh Nguyễn Thảo Nhi, sinh ngày 17/4/2004 cho ông Đinh Khắc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Nhi đủ tuổi thành niên là phù hợp với nguyên vọng của các cháu và không trái với quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Th và ông Đinh Khắc T có quyền và nghĩa vụ đi lại tham nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Quan điểm đề xuất của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 266, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 80, 81, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Th ly hôn ông Đinh Khắc T.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 09/10/2008 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tr đủ tuổi thành niên.

Giao cháu Đinh Nguyễn Thảo Nhi, sinh ngày 17/4/2004 cho ông Đinh Khắc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nhi đủ tuổi thành niên.

Ông Đinh Khắc T, bà Nguyễn Thị Th được quyền và có nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản ông, bà thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu, nên Tòa án đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/ 0012953 ngày 28 tháng 9 năm 2020.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền